TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-PT
Ngày 29-03-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Loan
Bà Đinh Thị Quý Chi

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Duyến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa***: Ông Trịnh Duy Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLPT-KDTM ngày 29 tháng 01 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*"

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM –ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã Đ (Nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐ- PT ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

***1.Nguyên đơn*: Công ty TNHH sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng- Xuất nhập khẩu Đức Phú Th.**

Địa chỉ: 163 đường số 5, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn P- Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T– Phó Giám đốc (có mặt)

***2.Bị đơn*: Công ty cổ phần Thành Ph**

Địa chỉ: 1327 Quốc lộ 14, ấp 2, xã Tiến Thành, thị xã Đ (Nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Th- Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc H, sinh năm 1970 (có mặt)

HKTT: 61 Hưng Đạo Vương, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Cư trú tại: 343 Bùi Hữu Nghĩa, phường B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai.

***3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ban quản lý rừng phòng hộ T.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H– Giám đốc

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 11B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1961 (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/3/2019). (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

4.Người kháng cáo: Bị đơn Công ty cổ phần Thành Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/4/2016, Công ty TNHH sản xuất – thương mại – dịch vụ - xây dựng xuất nhập khẩu Đức Phú Th (gọi tắt là Công ty Đức Phú Th) có ký hợp đồng mua bán số 01/HĐMB với Công ty cổ phần Thành Ph (gọi tắt là Công ty Thành Ph) về việc mua bán gỗ căn cứ vào Hợp đồng về việc khai thác tận dụng, tận thu và tiêu thụ lâm sản tại Ban quản lý rừng phòng hộ T số 03/2016/KTLS ngày 18/3/2016 được ký giữa Ban quản lý rừng phòng hộ T và Công ty Thành Phát.

Theo hợp đồng số 01/HĐMB, Công ty Đức Phú Th đã ứng trước cho Công ty Thành Ph số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Công ty Thành Ph đã bàn giao số gỗ tương ứng với số tiền 565.426.000 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Từ tháng 6/2016 đến nay, Công ty Thành Ph đã không bàn giao thêm bất cứ lô gỗ nào cho Công ty Đức Phú Th. Ngày 16/3/2017 hai Công ty đã tiến hành xác nhận công nợ. Theo đó, Công ty Thành Ph do không cung cấp đủ số gỗ theo hợp đồng đã ký phải hoàn lại số tiền 434.574.000 đồng cho Công ty Đức Phú Th nhưng từ đó Công ty Thành Ph vẫn không trả cho Công ty Đức Phú Th. Nay Công ty Đức Phú Th yêu cầu Tòa án buộc Công ty Thành Ph phải trả lại số tiền 434.574.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng), không yêu cầu trả lãi.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Xuân Th và đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 18/3/2016 Công ty Thành Ph có ký hợp đồng số 03/2016/KTLS với Ban quản lý rừng phòng hộ T để khai thác tận dụng, tận thu và tiêu thụ lâm sản tại Ban quản lý rừng phòng hộ T. Tổng giá trị lâm sản là 1.219.080.000 đồng, thuế giá trị gia tăng là 121.908.000 đồng. Tổng cộng là 1.340.988.000 đồng.

Căn cứ vào hợp đồng số 03/2016/KTLS, Công ty Thành Ph ký hợp đồng 01/HĐMB ngày 07/4/2016 với Công ty Đức Phú Th, theo đó sẽ bán cho Công ty Đức Phú Th số lượng gỗ chất lượng theo quy định của hợp đồng với giá trị là 1.000.000.000 đồng. Công ty Thành Ph đã nhận đủ số tiền 1.000.000.000 đồng từ Công ty Đức Phú Th. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm trường T đã không giao đủ số lượng gỗ cho Công ty Thành Ph nên Công ty Thành Ph cũng không giao đủ số lượng gỗ cho Công ty Đức Phú Th được. Vì vậy hai bên đã xác nhận công nợ, Công ty Thành Ph còn nợ của Công ty Đức Phú Th số tiền 434.574.000 (Bốn trăm ba mươi bốn triệu năm trăm

bảy mươi bốn nghìn đồng) đồng là đúng.

Nay Công ty Đức Phú Th yêu cầu Công ty Thành Ph phải trả số tiền 434.574.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) cho Công ty Đức Phú Th thì Công ty Thành Ph không đồng ý vì số tiền này bên Công ty Thành Ph đã trả cho Ban quản lý rừng phòng hộ T theo hợp đồng mua gỗ để giao cho Công ty Đức Phú Th.

Ban quản lý rừng phòng hộ T chưa trả cho Công ty Thành Ph số tiền 326.416.000 đồng theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 03/TL.HĐ ngày 29/7/2016. Đề nghị Ban quản lý rừng phòng hộ T phải có trách nhiệm liên quan trả số tiền trên cho Công ty Đức Phú Th.

Ngoài ra, Công ty Thành Ph không có yêu cầu nào khác.

Đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý rừng phòng hộ T trình bày:

Ngày 18/3/2016, Ban quản lý rừng phòng hộ T ký hợp đồng về việc khai thác tận dụng, tận thu và tiêu thụ lâm sản tại Ban quản lý rừng phòng hộ T số 03/2016/KTLS với Công ty cổ phần Thành Phát. Theo nội dung hợp đồng thì Ban quản lý rừng phòng hộ T sẽ thuê Công ty Thành Ph khai thác, vận xuất, tiêu thụ lâm sản tận dụng tại khoảnh 6, 7, 8, 9 tiểu khu 219 với diện tích thiết kế khai thác là 119,78 ha, tổng số cây khai thác là 2.056 cây và tổng sản lượng khai thác là 1.829,0 m^3. Tổng giá trị lâm sản bao gồm thuế VAT là 1.340.988.000 đồng. Tổng chi phí khai thác, vận xuất Ban quản lý rừng phòng hộ T phải trả cho Công ty Thành Ph sau khi khai thác xong bàn giao mặt bằng là 326.416.000 đồng. Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày ký đến hết ngày 15/5/2016.

Sau thời gian tiến hành các thỏa thuận trong hợp đồng, ngày 29/7/2016 hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng số 03/TL.HĐ. Sau khi trao đổi, bàn bạc hai bên thống nhất nội dung cụ thể như sau:

1/ Tổng giá trị lâm sản theo hợp đồng Công ty Thành Ph đã thanh toán cho Ban quản lý rừng phòng hộ T là 1.340.988.000 đồng.

2/ Tổng chi phí Ban quản lý rừng phòng hộ T phải trả cho Công ty Thành Ph sau khi khai thác xong bàn giao mặt bằng là 326.416.000 đồng.

Như vậy, hai bên đã thanh toán đủ cho nhau về giá trị và đi đến thống nhất thanh lý, chấm dứt việc thực hiện hợp đồng số 03/2016/KTLS ngày 18/3/2016 nên giữa hai bên không còn liên quan gì đến nội dung hợp đồng khai thác lâm sản nêu trên nữa.

Ngoài ra, Ban quản lý rừng phòng hộ T không còn yêu cầu nào khác.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM -ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ(Nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 34, Điều 37 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/IBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Buộc Công ty cổ phần Thành Ph phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH SX-TM-DV-XNK Đức Phú Th số tiền 434.574.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 11/12/2018 bị đơn Công ty cổ phần Thành Ph có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 30/11/2018 của), tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn Công ty cổ phần Thành Ph giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM -ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ (Nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về nguồn gốc số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều thừa nhận Công ty cổ phần Thành Ph còn nợ Công ty Đức Phú Th từ hợp đồng mua bán gỗ số 01/HĐMB ngày 07/4/2016 số tiền 434.574.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Tuy nhiên, việc ký hợp đồng mua bán gỗ với nguyên đơn dựa trên Hợp đồng số 03/2016/KTLS ngày 18/3/2016 về việc khai thác tận dụng, tận thu và tiêu thụ lâm sản với Ban quản lý rừng phòng hộ T , nhưng Ban quản lý rừng phòng hộ T đã không giao đủ số lượng gỗ cho Công ty Thành Ph nên Công ty Thành Ph không có gỗ để giao cho Công ty Đức Phú Th. Mặt khác, Công ty Thành Ph đã thanh lý hợp đồng với Ban quản lý rừng phòng hộ T , tuy nhiên Ban quản lý rừng phòng hộ T vẫn chưa thanh toán số tiền 326.416.000 đồng cho Công ty Thành Ph nên Công ty Thành Ph không có tiền để trả cho Công ty Đức Phú Th. Công ty Thành Ph đề nghị Ban

quản lý rừng phòng hộ T trả số tiền 326.416.000 đồng còn nợ của Công ty Thành Ph cho Công ty Đức Phú Th để cấn trừ nợ. Yêu cầu này của Công ty Thành Ph không được Công ty Đức Phú Th chấp nhận.

Việc ký hợp đồng số 01/HĐMB ngày 07/4/2016 giữa hai chủ thể là Công ty Thành Ph và Công ty Đức Phú Th. Trong hợp đồng không có điều khoản liên kết quyền và nghĩa vụ với bên thứ ba là Ban quản lý rừng phòng hộ T. Hơn nữa, việc Công ty Thành Ph và Công ty Đức Phú Th ký hợp đồng thì Ban quản lý rừng phòng hộ T cũng không biết và không có mối quan hệ gì. Mặt khác, tại Điều 4 của hợp đồng số 01/HĐMB các bên có thỏa thuận "*Sau khi nghiệm thu số lượng bên A xuất hóa đơn theo khối lượng thực tế. Bên B có trách nhiệm thanh toán cho bên A 40% giá trị tiền hàng, số tiền hàng còn lại được trừ vào số tiền tạm ứng cho đến 800.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng để cọc cho bên A đến lô hàng cuối cùng trong hợp đồng thì bên A sẽ trừ hoàn tất cho bên B và thanh lý hợp đồng*". Bị đơn cũng thừa nhận đã nhận của nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng đúng theo thỏa thuận hợp đồng. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng, các bên cũng đã xác nhận công nợ vào ngày 16/3/2017 (BL 26). Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu buộc Công ty Thành Ph có nghĩa vụ trả cho Công ty Đức Phú Th số tiền 434.574.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) là có cơ sở.

[2] Bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng việc không tống đạt thông báo cho bị đơn khi quyết định đưa Ban quản lý rừng phòng hộ T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm có thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đồng thời đã đưa Ban quản lý rừng phòng hộ T vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ban quản lý rừng phòng hộ Tà Thiệt đã có lời khai rõ ràng, đầy đủ tại hồ sơ, tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện Ban quản lý rừng phòng hộ T phải có trách nhiệm liên quan trả số tiền trên cho Công ty Đức Phú Th. Mặt khác, việc tranh chấp hợp đồng số 03/2016/KTLS với Ban quản lý rừng phòng hộ T và Công ty Thành Ph là một vụ việc riêng biệt nên cần giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu. Do đó HĐXX không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ. Cần giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ(Nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà phúc thẩm là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Thành Ph.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ (Nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào Điều 34, Điều 37 Luật Thương mại 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc Công ty cổ phần Thành Phphải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ – Xây dựng – Xuất nhập khẩu Đức Phú Th số tiền 434.574.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần Thành Phphải chịu tiền án phí sơ thẩm là 21.383.000 đồng (Hai mươi mốt triệu ba trăm tám mươi ba nghìn).

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ (Nay là thành phố Đ) hoàn lại cho Công ty Đức Phú Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.751.000 đồng (Mười triệu bảy trăm năm mốt nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000094 ngày 29 tháng 01 năm 2018.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Công ty cổ phần Thành Ph phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000765 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ. Số tiền còn lại Công ty cổ phần Thành Ph phải nộp là 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nhân